

Số: *33H* /BC-UBND

Quảng Bình, ngày *22* tháng *M* năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện các nội dung Kết luận của Chủ tọa Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII**

Thực hiện kết luận của Chủ tọa tại phiên họp chất vấn, trả lời chất vấn Kỳ họp thứ 2, HĐND tỉnh khóa XVIII, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2056/UBND-TH ngày 23/9/2021 chỉ đạo và phân công các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tiếp thu và triển khai thực hiện 06 nhóm vấn đề tại Thông báo Kết luận của Chủ tọa kỳ họp tại phiên họp chất vấn, trả lời chất vấn Kỳ họp thứ 2, HĐND tỉnh khóa XVIII, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả thực hiện cụ thể như sau:

#### **A. NHÓM VẤN ĐỀ VỀ Y TẾ.**

##### **1. Về việc phòng, chống dịch Covid-19 trong những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022**

###### **1.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành**

UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 3375/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Quy định tạm thời một số biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 để “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” đối với từng cấp độ dịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Thiết lập khu vực cách ly y tế (phong tỏa); khẩn trương điều tra truy vết các trường hợp F1, F2 liên quan, xét nghiệm sàng lọc, thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thiết lập cơ sở điều trị COVID-19 tại các bệnh viện đa khoa, cơ sở tuyến huyện để tổ chức thu dung, điều trị bệnh nhân. Điều chỉnh cấp độ dịch trên địa bàn một số địa phương; Công văn về việc cách ly, xét nghiệm, di chuyển áp dụng trong phòng, chống dịch COVID-19 để áp dụng chung cho toàn tỉnh theo điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các Công điện của Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan; chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu, hướng dẫn, tổ chức hoạt động của ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

###### **1.2. Công tác điều tra, truy vết, cách ly, giám sát**

UBND tỉnh đã chỉ đạo hoạt động cách ly y tế theo quy định, đặc biệt là các đối tượng nhập cảnh, người về từ vùng dịch; thực hiện quản lý chặt chẽ các Khu cách ly tập trung và thực hiện cách ly tại nhà theo quy định. Hiện đang cách ly tập



trung 1.172 người; cách ly tại nhà 1.758 người.

Thực hiện rà soát tất cả những người đi về từ các tỉnh, thành phố có số mắc cao (như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An...); tăng cường, chủ động giám sát, xét nghiệm các trường hợp có nguy cơ cao, nhất là những điểm có người về từ các địa bàn trên và các địa bàn dịch cấp độ 3, 4; các trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ mắc bệnh để phát hiện sớm, tổ chức cách ly, theo dõi sức khỏe phù hợp và xử lý kịp thời các ổ dịch COVID-19.

### **1.3 Công tác lấy mẫu, xét nghiệm**

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm tại các khu vực nguy cơ rất cao, vùng phong tỏa theo quy định.

Tập trung lấy mẫu, xét nghiệm sàng lọc theo Kế hoạch 2201/KH-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh, phân vùng cụ thể để lấy mẫu giám sát.

### **1.4 Công tác điều trị**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Công tác thu dung, điều trị bệnh nhân COVID - 19 được chủ động và tiến hành khẩn trương với phương án phù hợp.

Chủ động thực hiện các giải pháp để đáp ứng công tác thu dung điều trị bệnh nhân: Thường xuyên tập huấn, cập nhật các hướng dẫn mới về điều trị bệnh nhân COVID-19 của Bộ Y tế để áp dụng trong các cơ sở điều trị; rà soát, bổ sung trang thiết bị, vật tư y tế, tiêu hao, thuốc, dụng cụ thiết yếu... để đáp ứng công tác điều trị.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 về việc bổ sung nhiệm vụ và thiết lập khu điều trị COVID-19 tại 07 bệnh viện đa khoa cấp huyện trực thuộc Sở Y tế để triển khai hoạt động phòng, chống dịch kể từ ngày 02/11/2021. Hiện nay đã có 05/7 bệnh viện đa khoa kích hoạt khu điều trị COVID-19 để tiếp nhận, điều trị bệnh nhân COVID-19 trên địa bàn (các BVĐK huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Lệ Thủy, Quảng Ninh và BVĐK khu vực Bắc Quảng Bình). Các cơ sở điều trị đã tổ chức thu dung, điều trị bệnh nhân đảm bảo theo quy định.

### **1.5 Công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19**

Tiếp tục triển khai tiêm chủng vắc xin năm 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo an toàn, hiệu quả; Tăng cường tổ chức các điểm tiêm tại trạm y tế xã/phường/thị trấn và các điểm tiêm lưu động, nâng công suất tiêm hàng ngày lên gấp 2 - 3 lần so với thời gian trước đây.

Kết quả đến 6h ngày 12/11/2021: tổng số liều đã tiêm: **555.095**. Số người đã tiêm đủ 2 mũi là: **77.514**. Tỷ lệ người dân trên 18 tuổi đã được tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **78,04%**. Tỷ lệ người dân trên 18 tuổi đã tiêm đủ liều vắc xin: **12,67%**<sup>1</sup>.

Phân đầu đến đầu năm 2022, tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh được tiêm vắc xin đạt tỷ lệ 92%, đạt miễn dịch cộng đồng.

Quyết liệt phòng, chống dịch Covid-19 theo phương châm “chống dịch như chống giặc”; bảo đảm hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng, chống dịch và sản



xuất kinh doanh, “chống dịch để sản xuất và sản xuất để chống dịch”. Quyết tâm thực hiện thắng lợi “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa duy trì phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu mà Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã đề ra.

## **2. Về đầu tư cơ sở vật chất tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh**

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở ngành liên quan, các đơn vị của ngành y tế liên quan thực hiện việc rà soát tổng thể cơ sở vật chất của các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Từ đó, có kế hoạch sử dụng các nguồn lực thuộc ngành quản lý để đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho các trạm y tế, trước mắt ưu tiên đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, phân bổ nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm và nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh quản lý để đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế cấp xã. Về lâu dài, có kế hoạch đầu tư để các trạm y tế xã, phường, thị trấn đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đặc biệt là đáp ứng cho công tác phòng chống dịch Covid-19. UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm hoặc bố trí vốn từ nguồn sự nghiệp hàng năm để cùng với ngân sách tỉnh đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân tại các địa phương.

## **B. NHÓM VẤN ĐỀ VỀ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ HỖ TRỢ CÁC ĐỐI TƯỢNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI ĐẠI DỊCH COVID -19.**

### **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền triển khai thực hiện**

#### **1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo**

Ngay khi có Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch, Quyết định, văn bản triển khai thực hiện các chính sách kịp thời theo đúng quy định, cụ thể:

- Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và kiện toàn Tổ giúp việc Ban chỉ đạo;

- Kế hoạch số 1273/KH-UBND ngày 19/7/2021 “Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực



hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”;

- Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2021 công bố danh mục thủ tục hành chính trong thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

- Công văn số 1422/UBND-NCVX ngày 01/8/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ người dân Quảng Bình đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (Theo đó mỗi hộ dân gặp khó khăn, được hỗ trợ 1.000.000 đồng);

- Kế hoạch số 1585/KH-UBND về việc đón con em quê hương tỉnh Quảng Bình đang lưu trú tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trở về quê do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19;

- Công văn số 2230/UBND-NCVX ngày 07/10/2021 triển khai thực hiện Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 2467/UBND-NCVX ngày 05/11/2021 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Đồng thời chỉ đạo Sở Lao động - TBXH kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Kế hoạch số 1273/KH-UBND tỉnh và Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh để đảm bảo phù hợp với từng địa phương, triển khai thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động kịp thời, công khai, minh bạch và đúng chế độ quy định, cụ thể: Công văn số 855/SLĐTBXH-GDNN ngày 16/7/2021 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo Quyết định số 23/QĐ-TTg; Công văn số 917/SLĐTBXH-CSLĐ ngày 22/7/2021 hướng dẫn hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Công văn số 943/SLĐTBXH-CSLĐ ngày 27/7/2021 hướng dẫn rà soát, dự kiến hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19...

Sở Lao động - TBXH cũng đã ban hành các văn bản gửi các sở, ngành, đơn vị liên quan để thực hiện công tác phối hợp trong thực hiện các chính sách hỗ trợ: các Sở Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Du lịch, Văn hóa - Thể thao, Cục Thuế tỉnh, cơ quan BHXH tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ban Quản lý các khu kinh tế, Hội doanh nghiệp, Hiệp hội du lịch, các doanh nghiệp... để phối hợp cung cấp số liệu, thông tin của đơn vị, doanh nghiệp và người lao động phục vụ cho việc thực hiện các chính sách hỗ trợ: Công văn số 885/SLĐTBXH-TTĐVVL



ngày 21/7/2021 về việc hỗ trợ cung cấp thông tin về các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; số 921/SLĐTBXH-TTĐVVL ngày 22/7/2021 về việc hỗ trợ cung cấp thông tin về cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh; số 946/SLĐTBXH-TTĐVVL ngày 27/7/2021 về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19; công văn số 1010/SLĐTBXH-LĐVLDN ngày 04/8/2021 cung cấp danh sách F0, F1 để thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg, 1419/SLĐTBXH-LĐVLDN ngày 18/10/2021 về việc báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế,...

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ và tổ chức thực hiện các văn bản**

- Chi đạo Sở Lao động - TBXH đã xây dựng kế hoạch tập huấn triển khai, tuyên truyền cho các ngành, địa phương, nhưng do tình hình dịch bệnh bùng phát có nhiều diễn biến phức tạp nên mới thực hiện tập huấn hỗ trợ trực tiếp cho gần 100 người chủ yếu là đại diện các ngành, đơn vị cấp tỉnh, huyện và một số doanh nghiệp trên địa bàn để thông tin, tuyên truyền chính sách hỗ trợ kịp thời đầy đủ đến Nhân dân, người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh; Sở LĐTBXH đã cung cấp số điện thoại dây nóng, cử cán bộ thường trực để tiếp nhận thông tin, trả lời hướng dẫn các câu hỏi thắc mắc, kiến nghị của người lao động, doanh nghiệp, cán bộ thực hiện của các địa phương trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo các địa phương, các ngành liên quan phối hợp với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và định mức hỗ trợ theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng, của UBND tỉnh để người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 hiểu đúng chính sách và tiếp cận được nguồn hỗ trợ; bảo đảm công tác hỗ trợ được kịp thời, đúng đối tượng.

- Hướng dẫn các ngành, địa phương tăng cường thời lượng tuyên truyền chính sách hỗ trợ trên phương tiện truyền thanh của các xã, phường, thị trấn, thôn, bản, TDP. Đồng thời tuyên truyền qua Zalo, Facebook, Email, ... cho mọi người dân được biết. ...

## **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp trong giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ**

- Chi đạo Sở Lao động - TBXH thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, kịp thời đề xuất phương án xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu, hành vi vi phạm quy định về thực hiện các chính sách hỗ trợ trên. Đồng thời, đề xuất phương án xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu, hành vi vi phạm theo quy định; kiến nghị những khó khăn, vướng mắc phát sinh; đề xuất các giải pháp tháo gỡ, giải quyết phù hợp trong việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ; ✓



- Phối hợp với Báo Quảng Bình, Đài PT-TH tỉnh, các cơ quan báo chí khác tập trung tuyên truyền nội dung chính sách hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Quá trình thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Sở đã thành lập đoàn kiểm tra, giám sát và đã kiểm tra, giám sát 08/08 huyện, thị xã, thành phố về thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động theo NQ 68/NQ-CP, QĐ số 23/2021/QĐ-TTg;

- Thường xuyên phối hợp với Mặt trận và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động nhân dân giám sát ngay tại cộng đồng khu dân cư từ khâu rà soát, lập danh sách, niêm yết danh sách các đối tượng được hưởng chính sách tại Nhà văn hóa của thôn, bản, TDP, tại UBND các xã, phường, thị trấn để phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm trong thực hiện chính sách.

## **II. Kết quả hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19**

### **1. Quy trình rà soát, thống kê, lập danh sách, thủ tục, hình thức chi trả đối với các đối tượng**

Chi đạo Sở Lao động - TBXH đã thực hiện đúng, đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 1273/KH-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, cụ thể:

- Trực tiếp chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị của người sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định tại Chương III, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg;

- Chi đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh (đơn vị trực thuộc Sở) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của người lao động chấm dứt hợp đồng lao động không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đồng thời chỉ đạo TT dịch vụ việc làm kịp thời chi trả cho người lao động theo quy định tại Chương VI, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngay khi UBND phân bổ kinh phí;

- Làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, kiểm tra, rà soát hồ sơ đề nghị của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Quyết định 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch số 1273/KH-UBND;

### **2. Kết quả triển khai từng chính sách cụ thể**

#### **2.1. Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

(giảm đóng 12 tháng)

- Số đơn vị: 2.731 đơn vị;

- Số lao động: 35.447 người;

- Tổng số tiền: 10.368 triệu đồng.

#### **2.2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất**

✓



(tạm dừng đóng 06 tháng)

- Số đơn vị: 05 đơn vị;
- Số lao động: 149 người;
- Tổng số tiền: 1.184 triệu đồng.

**2.3. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

- Số đơn vị: 01 đơn vị;
- Số lao động: 56 người;
- Tổng số tiền: 252 triệu đồng.

**2.4. Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương**

- Số đơn vị: 275 đơn vị;
- Số lao động được hỗ trợ: 2.827 người; trong đó:
  - + Hỗ trợ thêm NLD mang thai: 80 người; (1 triệu đồng/người mang thai).
  - + Hỗ trợ thêm NLD nuôi con nhỏ: 1.328 trẻ em chưa đủ 6 tuổi; (1 tr.đồng/trẻ em).
- Tổng số tiền hỗ trợ: 11.657,165 triệu đồng.

**2.5. Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc**

- Số đơn vị: 01 đơn vị;
- Số lao động được hỗ trợ: 02 người; trong đó:
- Tổng số tiền hỗ trợ: 02 triệu đồng.

**2.6. Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp**

- Số lao động được hỗ trợ: 03 người; trong đó:
  - + Hỗ trợ thêm NLD mang thai: 0 người; (1 triệu đồng/người mang thai).
  - + Hỗ trợ thêm NLD nuôi con nhỏ: 03 người, trong đó có 03 trẻ em chưa đủ 6 tuổi kèm theo; (1 triệu đồng/trẻ em).
- Tổng số tiền hỗ trợ: 14,13 triệu đồng.

**2.7. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị COVID-19, cách ly y tế**

Theo số liệu rà soát từ Sở Y tế, từ ngày 28/4/2021 đến 31/10/2021, toàn tỉnh có 2.042 (F0), 11.277 (F1).

- Về chính sách hỗ trợ tiền ăn:
  - + Số người được hỗ trợ: 1.247 người;



+ Hỗ trợ thêm đối với trẻ em là: 265 trẻ (1 triệu đồng/ trẻ em dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em):

- Số tiền hỗ trợ: 1.660,44 triệu đồng.

### **2.8. Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và hướng dẫn viên du lịch**

- Viên chức hoạt động nghệ thuật giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV: 0 người;

### **2.9. Chính sách hỗ trợ đối với hướng dẫn viên du lịch**

- Số HDVDL được hỗ trợ: 156 người;

- Tổng số tiền: 578,76 triệu đồng.

### **2.10. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh**

- Số hộ kinh doanh được hỗ trợ: 162 hộ.

- Số tiền hỗ trợ: 486 triệu đồng.

### **2.11. Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất**

- Số đơn vị: 39 đơn vị;

- Số lao động: 1.538 người;

- Tổng số tiền: 5.598,15 triệu đồng.

### **2.12. Chính sách hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và các đối tượng đặc thù khác (theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh).**

- Tổng số người được hỗ trợ: 20.819 người,

- Số tiền hỗ trợ là: 31.228,5 triệu đồng.

### **2.13. Chính sách hỗ trợ người dân tỉnh Quảng Bình ở TP Hồ Chí Minh và Các tỉnh phía Nam gặp khó khăn do đại dịch COVID-19**

Trong giai đoạn dịch bệnh bùng phát và diễn biến phức tạp tại các tỉnh thành miền Nam, Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng đã kịp thời chỉ đạo triển khai một số chính sách hỗ trợ đối với con em Quảng Bình đang lưu trú tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, cụ thể:

- Hỗ trợ tiền mặt cho 21.942 người, tổng kinh phí 21,942 tỷ đồng<sup>2</sup> cho người dân Quảng Bình đang sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam (thông qua Hội đồng hương Quảng Bình tại TP Hồ Chí Minh hỗ trợ 4.000 lao động, thông qua UBMTTQVN tỉnh hỗ trợ 17.942 lao động).

- Tổ chức 02 đợt đón 2.729 con em là công dân Quảng Bình trở về quê do ảnh hưởng của dịch bệnh (đối tượng ưu tiên gồm phụ nữ đang mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ, trẻ em, học sinh và người già đi thăm thân). Trong đó:

*W*



Đợt 1: 371 người (gồm phụ mang thai từ 20 tuần tuổi trở lên, phụ nữ có con nhỏ dưới 6 tháng) về trên 2 chuyến bay ngày 22/8/2021.

Đợt 2: 2.358 người về trên 04 chuyến tàu hỏa vào các ngày 08 và 09/10/2021.

#### **2.14. Chính sách hỗ trợ từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp (Nghị quyết 116/NQ-CP)**

1. Chính sách giảm mức đóng Bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

- Số đơn vị được giảm mức đóng BHTN: 2.708 đơn vị.
- Số người lao động được giảm mức đóng BHTN: 35.181 người.
- Số tiền giảm đóng BHTN: 21.576 triệu đồng (giảm đóng 12 tháng).

2. Chính sách hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ kết dư Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

- Số người đã được hỗ trợ: 42.503 người.
- Tổng số tiền hỗ trợ: 108.317 triệu đồng.

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Mặt được, thuận lợi trong quá trình thực hiện**

- Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người lao động bị ảnh hưởng do đại dịch Covid - 19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Nghị quyết số 116/NQ-CP, Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo; các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã vào cuộc quyết liệt, tích cực phối hợp tổ chức quán triệt, triển khai nên hầu hết các chính sách hỗ trợ đều thực hiện đạt kết quả tốt.

- Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương tích cực phối hợp triển khai chính sách hỗ trợ đến cộng đồng doanh nghiệp và người lao động.

- Triển khai trong thời gian hầu hết các địa phương trong tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội nhưng các đơn vị được giám sát đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban liên quan và UBND các xã, phường, thị trấn để hỗ trợ tối đa cho người lao động và người sử dụng lao động tiếp cận nhanh đến các chính sách hỗ trợ.

- Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức thành viên các cấp đã phối hợp chặt chẽ, chủ động, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; thường xuyên đăng tải, cập nhật kịp thời các văn bản, nội dung liên quan trên cổng thông tin điện tử huyện, hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của người dân và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nên các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn đã tiếp cận và nắm bắt khá đầy đủ các chủ trương, chính sách trong thực hiện các chính sách hỗ trợ, nên việc kê khai của các đối tượng cơ bản đảm bảo, đúng theo quy định.



- Chủ động trong quá trình tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của người lao động, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về tiếp nhận, rà soát, lập danh sách, thẩm định, niêm yết danh sách đến khâu chi trả cho các nhóm đối tượng được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, có sự giám sát chặt chẽ của Mặt trận, các tổ chức thành viên và giám sát của người dân trong cộng đồng dân cư nên đã hạn chế những sai sót, trùng lặp đối tượng và đảm bảo thời gian. Đặc biệt không để phát sinh các vấn đề phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn, tạo được không khí phấn khởi, tin tưởng và đồng thuận trong nhân dân.

- Quá trình triển khai và thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo được sự đồng thuận cao từ người lao động, người sử dụng lao động và nhân dân tin tưởng, phấn khởi trước chính sách hỗ trợ của Nhà nước và các cấp chính quyền, đồng thuận với công tác triển khai nghị quyết 68/NQ-CP, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg và Quyết định số 2502/QĐ-UBND. Đến thời điểm hiện tại, chưa phát sinh khiếu kiện, khiếu nại

## **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, qua quá trình giám sát cho thấy việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần phải được khắc phục kịp thời, cụ thể:

- Một số chính sách như: hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghề để duy trì việc làm cho người lao động còn chậm. Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất còn khiêm tốn.

- Việc thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế của cơ quan, đơn vị quản lý các cơ sở điều trị, cơ sở cách ly chưa thực hiện kịp thời.

- Một số địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2502/QĐ-UBND của UBND tỉnh còn lúng túng trong quá trình rà soát, bình xét, thống kê, thẩm định tổng hợp danh sách xác định đối tượng được hưởng hỗ trợ. Đặc biệt là đối tượng lao động tự do theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Công tác rà soát, lập hồ sơ, thủ tục, kiểm tra và tổng hợp danh sách đề nghị hỗ trợ của các đối tượng ở một số địa phương vẫn còn xảy ra sai sót và chậm trong việc thẩm định, tổng hợp và đặc biệt có tình trạng đề nghị hưởng trùng chính sách hỗ trợ.

- Do khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên các doanh nghiệp nợ đọng BHXH tháng liền kề trước khi dừng việc dẫn đến các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp ít được thực hiện; mặt khác, số lao động không tham gia BHXH trong các doanh nghiệp còn khá nhiều nên họ không thuộc đối tượng được hưởng. Ngoài ra, do các chủ sử dụng lao động thiếu quan tâm để thực hiện nội dung này.



- Một số huyện do địa bàn cơ bản là ở vùng sâu, vùng miền núi, đường sá đi lại khó khăn, đối tượng hưởng lợi nhiều, sống rải rác, không tập trung nên công tác lập danh sách và tổ chức chi trả chậm so với kế hoạch đề ra.

Những khó khăn, vướng mắc trên chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Việc triển khai thực hiện hỗ trợ trong tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh bùng phát, diễn biến phức tạp, đa số các huyện, thị xã, thành phố phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg và Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thời gian triển khai gấp, do vậy các địa phương vừa tập trung cho công tác phòng chống dịch vừa triển khai thực hiện chính sách nên gặp không ít khó khăn.

- Có nơi cấp ủy, chính quyền, cán bộ phụ trách trực tiếp ở cơ sở chưa nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn của cấp trên về chính sách hỗ trợ nên việc phối hợp thẩm định theo từng nhóm đối tượng đôi lúc còn lúng túng.

- Việc hướng dẫn nhận diện ban đầu đối với đối tượng lao động tự do, buôn bán hàng rong chưa được cụ thể, do còn nhiều cách hiểu khác nhau trong xác định đối tượng của cán bộ thẩm định và hướng dẫn của các ngành chức năng dẫn đến tình trạng các cơ sở lúng túng trong quá trình thống kê, thẩm định đối tượng.

- Công tác tuyên truyền về triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2502/QĐ-UBND của UBND tỉnh ở một số địa phương chưa thường xuyên. Một bộ phận người lao động nhận thức chưa đầy đủ mục đích, ý nghĩa của việc hỗ trợ...

- Việc áp dụng các văn bản liên quan của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu các đơn vị dừng hoạt động rất nhiều, nên thời gian nghiên cứu văn bản chiếm mất lượng thời gian rất lớn trong triển khai thực hiện.

- Công tác tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về chính sách hỗ trợ cho Ban chỉ đạo cũng như Tổ giúp việc ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức.

#### **IV. Kiến nghị, đề xuất**

- Đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương:

+ Tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19;

+ Đề nghị bổ sung thêm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đối với người cách ly y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (không chỉ đối tượng F0, F1 như hiện nay); chính sách hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội đối với người sử dụng lao động và người lao động, giải quyết chế độ BHXH linh hoạt, theo hướng có lợi cho người lao động;

+ Đề nghị Bộ Y tế có chính sách hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh (BHYT) cho người lao động trong thời gian người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương. Vì đối tượng này không có việc làm, thu nhập bị giảm lại phải chi trả thêm chi phí khám chữa bệnh nên rất khó khăn



+ Có chính sách hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng phương án tái sản xuất kinh doanh trong tình hình dịch bệnh và sau khi dịch bệnh được kiểm soát; có chính sách hỗ trợ đầu ra, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành hàng xuất khẩu; cần có quy định và hướng dẫn cụ thể về lộ trình dự kiến phục hồi sản xuất để các doanh nghiệp có kế hoạch về nhân sự, lao động và tài chính để hoạt động trở lại sau dịch;

+ Bên cạnh chính sách về giãn, hoãn các khoản thuế, phí của doanh nghiệp, cần có chính sách vay vốn ưu đãi đối với doanh nghiệp đang duy trì hoạt động trong tình hình dịch bệnh và doanh nghiệp có nhu cầu tái sản xuất kinh doanh sau dịch, ưu tiên những doanh nghiệp sử dụng số lượng lao động lớn;

+ Để bảo đảm ổn định, duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, cần xem xét cho phép áp dụng linh hoạt quy định về giờ làm thêm trong thời kỳ dịch bệnh, cho phép doanh nghiệp có thể làm thêm nhiều hơn quy định trong tháng (tuy nhiên vẫn đảm bảo không quá tổng thời gian làm thêm trong cả năm theo quy định của pháp luật về lao động) để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng ca sản xuất, bảo đảm kịp tiến độ giao hàng.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi nội dung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết 126/NQ-CP về sửa đổi, bổ sung NQ68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-CP ngày 07/7/2021, Quyết định 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 2502/QĐ-UBND đến người lao động và người sử dụng lao động biết và thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng nguyên tắc.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện hỗ trợ các đối tượng; thường xuyên giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết 126/NQ-CP về sửa đổi, bổ sung NQ68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định 33/2021/QĐ-TTg, Quyết định 2502/QĐ-UBND bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, đúng nguyên tắc, đúng đối tượng; kịp thời phát hiện các dấu hiệu sai phạm trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, lợi dụng việc triển khai chính sách hỗ trợ để trục lợi, tham nhũng, tiêu cực; tham mưu giải quyết, xử lý nghiêm không để nảy sinh phức tạp gây bức xúc trong Nhân dân, người lao động, người sử dụng lao động.

**\* Về Thực hiện công tác phân luồng, tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp.**

## **I. Công tác tham mưu, chỉ đạo và kết quả đạt được**

### **1.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo**

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 26/3/2021 về việc triển khai thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Bình năm 2021, trong đó có giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2021; Giao Sở Lao động - TBXH tham



mưu cho UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 – 2025;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh đổi mới công tác tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp. Tích cực, chủ động triển khai công tác tuyển sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; thiết lập mạng lưới tuyển sinh đến cấp huyện, xã và các trường THPT, THCS, các tổ chức, doanh nghiệp; ưu tiên địa bàn tuyển sinh vùng sâu, vùng xa, biên giới, các đối tượng chính sách, nhóm yếu thế trong xã hội; Phối hợp với các cơ quan truyền thông làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về nhà trường, về ngành nghề đào tạo; sáng tạo trong hình thức giới thiệu, quảng bá về nhà trường và những cam kết giải quyết việc làm cho người học sau khi ra trường;

- Hoàn thiện, in ấn các pa nô, áp phích, thông báo tuyển sinh, công khai học phí, chế độ chính sách đối với học nghề, quyền lợi của người học để thực hiện tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh; xây dựng và phát hành Sổ tay học nghề và việc làm năm 2021. Thông báo tuyển sinh rộng rãi trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Quảng Bình, trên Website của các trường để mọi người tìm hiểu và đăng ký học nghề;

- Về chương trình đào tạo GDNN ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp được quy định cụ thể về chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, tín chỉ, môn học, từng ngành, nghề phù hợp và xây dựng chuẩn đầu ra theo khung năng lực trình độ quốc gia Việt Nam. Hàng năm các cơ sở GDNN thực hiện rà soát, bổ sung, chỉnh sửa lại chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động. Các cơ sở đào tạo đã mời các chuyên gia, kỹ sư, thợ bậc cao đẳng làm việc trong các doanh nghiệp tham gia xây dựng và thẩm định chương trình;

- Các cơ sở GDNN cũng đã tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tập đoàn lớn thuộc những ngành nghề phục vụ khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh và các địa phương, nhất là về nông lâm, thủy sản, kỹ thuật công nghệ, tài chính, tiền tệ, các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, kinh tế biển và du lịch chất lượng cao... nhằm gắn kết giữa đào tạo với ứng dụng thực tế; tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp sử dụng lao động, tạo điều kiện để học sinh - sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm và thu nhập ổn định; giới thiệu những tấm gương điển hình về học nghề, lập nghiệp để người học có lựa chọn ngành, nghề phù hợp;

- Thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hiện nay, tất cả học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tham gia học nghề trình độ trung cấp đều được miễn toàn bộ học phí và được vay vốn học tập. Đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật; người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú khi tham gia học trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở GDNN được



hường chính sách nội trú bao gồm: Học bổng chính sách, mua đồ dùng cá nhân, đi lại ... theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp. Nhìn chung qua thực hiện các chính sách nêu trên đã tạo động lực thu hút học sinh, sinh viên học nghề hàng năm, tạo điều kiện giúp học sinh, sinh viên an tâm học tập.

### **1.2. Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp:**

- Dự ước đến cuối năm 2021 tuyển sinh 19.536/16.000 người (đạt 122,1% so với kế hoạch), trong đó cao đẳng có 370/600 người (đạt 61,6% so với kế hoạch), trung cấp có 1.859/2.200 người, trong đó có 1612 học sinh tốt nghiệp THCS, có 252 học sinh tốt nghiệp THPT (đạt 84,5% so với kế hoạch), sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng có 17.307/13.200 người (đạt 131,1% so với kế hoạch).

- Có 15.570 người đã tốt nghiệp, trong đó cao đẳng có 38 người, trung cấp có 831 người, sơ cấp và dưới 3 tháng có 14.701 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 66,4% (đạt 100,61% so với kế hoạch) và tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt tỷ lệ 27,10% (đạt 101,50% so với kế hoạch).

## **II. Đánh giá chung**

### **2.1. Ưu điểm**

- Cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và các cơ sở GDNN đã tích cực tuyên truyền chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, truyền thông, tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên.

- Chất lượng giáo dục nghề nghiệp ngày càng được nâng cao do các trường cao đẳng, trung cấp và các trung tâm GD-DN được đầu tư cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, các phương tiện; hệ thống chương trình, giáo trình được các trường trung cấp, cao đẳng quan tâm xây dựng theo hướng nâng cao thời gian thực hành phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp gia tăng về số lượng và chất lượng, được quan tâm đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và ngày càng chú trọng trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng thực hành nghề.

- Công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp được đổi mới theo hướng các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp là người hướng dẫn, tạo điều kiện cho cơ sở GDNN phát triển trong khuôn khổ pháp luật, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ sở GDNN giáo dục, tăng việc hậu kiểm đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đổi mới

### **2.2. Hạn chế**

Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, THPT chưa hiệu quả, chưa đạt mục tiêu đề ra; chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT cao nên nguồn tuyển sinh vào học trung cấp của các trường trung cấp rất thấp ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh, chất lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề



nghiệp; nhận thức của học sinh, phụ huynh, người học nghề chưa cao nên việc tuyển sinh học nghề còn gặp nhiều khó khăn.

### **III. Kiến nghị, đề xuất**

- Tăng cường chỉ đạo công tác phân luồng đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông vào học trung cấp, cao đẳng. Thực hiện đúng các chỉ tiêu phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông vào học nghề theo quy định tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

- Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 để thu hút học sinh, người lao động tham gia học nghề.

## **C. NHÓM VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

### **1. Việc phòng, chống dịch COVID-19 và tổ chức dạy học**

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đầu năm học. Cụ thể:

- Chi thị số 13/CT-UBND ngày 01/09/2021 về thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 ứng phó với dịch COVID-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục đào tạo.

- Chi thị số 14/CT-UBND ngày 16/09/2021 về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, đảm bảo chương trình và mục tiêu chất lượng, giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19.

- Công văn số 1971/UBND-NCVX ngày 16/09/2021 về việc tổ chức dạy học ứng phó với diễn biến dịch COVID-19 năm học 2021-2022.

### **2. Công tác phối hợp**

Theo báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức dạy học và phòng chống dịch trong nhà trường. Đã phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để thực hiện tiêm vắc xin phòng dịch COVID-19 cho cán bộ quản lý và giáo viên; thực hiện tốt khâu kiểm soát và phòng, chống dịch. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình để phát sóng chương trình dạy học của các lớp 1, lớp 2, lớp 9 và lớp 12. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan truyền thông, các địa phương để tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của cha mẹ học sinh đối với việc tổ chức dạy học ứng phó với diễn biến dịch COVID-19. Phối hợp với các cơ quan báo chí để tuyên truyền, kêu gọi ủng hộ, công khai thông tin quyên góp Chương trình “Sóng và máy tính cho em”.



### **3. Công tác chỉ đạo**

UBND tỉnh đã chỉ đạo và Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống dịch; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức dạy học ứng phó với các tình huống của dịch bệnh. Một số văn bản chính:

- Công văn số 2967/SGDĐT ngày 18/09/2021 về việc phương án tổ chức dạy học ứng phó diễn biến dịch COVID-19 năm học 2021-2022.

- Công văn số 3098/SGDĐT-GDTrHTX ngày 29/09/2021 về việc hướng dẫn thực hiện phương án dạy học ứng phó với dịch COVID-19 đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên năm học 2021-2022.

- Công văn số 2967/PA-SGDĐT ngày 22/10/2021 về việc phương án tổ chức dạy học “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tập trung kinh phí mua sắm thiết bị dạy học; trang bị phần mềm dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện và nhu cầu dạy học; theo dõi sát diễn biến tình hình dịch COVID-19 để chọn phương án tổ chức dạy học phù hợp, không để dịch bùng phát và lây lan rộng trong nhà trường; chủ động các phương án để kịp thời ứng phó với mọi tình huống với phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.

### **4. Công tác triển khai thực hiện**


Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong toàn ngành với phương châm “chống dịch như chống giặc” bảo đảm vừa phòng, chống dịch hiệu quả vừa hoàn thành chương trình giáo dục theo kế hoạch.

Đã thành lập đoàn kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ năm học 2021-2022 và công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại một số cơ sở giáo dục nhằm đánh giá hiệu quả của việc tổ chức dạy học ứng phó với diễn biến dịch COVID-9, đồng thời chấn chỉnh những sai sót trong quá trình tổ chức dạy học.

Đã chỉ đạo các phòng chuyên môn tiếp tục dự giờ, thăm lớp bằng hình thức trực tuyến để nắm bắt tình hình dạy học và tư vấn thêm cho giáo viên một số phương pháp dạy học trực tuyến, biện pháp, kỹ năng quản lý lớp để hạn chế những tình huống không mong muốn xảy ra trong quá trình dạy học trực tuyến.

### **5. Một số kết quả**

#### **5.1. Về công tác phòng chống dịch bệnh**

Hầu hết các cơ sở giáo dục đã xây dựng phương án và triển khai phòng, chống dịch một cách có hiệu quả. Đã tập trung kinh phí mua sắm đủ các thiết bị y tế cơ bản phục vụ phòng dịch như khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, máy đo thân nhiệt, lắp đặt bồn nước rửa tay và xà phòng sát khuẩn. Đã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để rà soát, khoanh vùng đối tượng nghi ngờ nhiễm bệnh; kịp thời xử lý không có hiện tượng dịch bệnh lây lan phạm vi rộng trong nhà trường. Đã phối hợp với cơ quan y tế để khử khuẩn khuôn viên trường lớp và tổ chức tiêm phòng cho đội ngũ giáo viên. 



Theo số liệu thống kê đến ngày 11/11/2021, toàn ngành có 21 giáo viên và 326 học sinh bị dương tính với virus SARS-CoV-2, trong đó đã có 21 giáo viên và 301 học sinh đã được điều trị lành bệnh; có 25 học sinh đang được cách ly để điều trị. Có 91,01% giáo viên đã được tiêm vắc-xin phòng dịch, trong đó có 17,1% giáo viên đã được tiêm 2 mũi.

## **5.2. Điều kiện để tổ chức dạy và học trực tuyến**

Các cơ sở giáo dục đã tập trung kinh phí mua sắm thiết bị, phần mềm dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện và nhu cầu dạy học. 100% cơ sở giáo dục đã tổ chức tập huấn dạy học trực tuyến cho tất cả đội ngũ giáo viên; tổ chức khảo sát, thống kê điều kiện phục vụ hoạt động dạy và học trực tuyến. Theo số liệu thống kê, đến ngày 05/11/2021, toàn ngành: 99,9% giáo viên có thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến (cấp tiểu học có 99,7%; cấp THCS có 100%; cấp THPT có 100% và GDTX có 99,9 %); 85,6% học sinh có thiết bị phục vụ học trực tuyến (gồm máy tính, điện thoại thông minh; cấp tiểu học có 81,4%; cấp THCS có 87,9%; cấp THPT có 95,4%; học viên GDTX có 70,7%)

## **5.3. Tổ chức dạy học**

Các cơ sở giáo dục linh hoạt chọn phương án dạy học trực tuyến, trực tiếp phù hợp với tình hình, diễn biến dịch bệnh trên địa bàn. Tỷ lệ học sinh tham gia học tập khá cao. Theo số liệu thống kê, đến ngày 05/11/2021:

- 10,39% học sinh tiểu học tham gia học trực tuyến và trên truyền hình và 87,43% học sinh học trực tiếp.
- 12,23% học sinh THCS tham gia học trực tuyến và 86,65% học trực tiếp.
- 19,36% học sinh THPT tham gia học trực tuyến và 78,68% học trực tiếp.
- 32,21% học viên GDTX tham gia học trực tuyến và 57,64% học trực tiếp.

## **II. Việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS**

### **1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện**

Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ngay từ đầu năm học.

Các phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị giáo dục trực thuộc triển khai nghiêm túc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Sở, đặc biệt là việc thực hiện chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 đến lớp 12.

Các cơ sở giáo dục kết hợp với các trung tâm giáo dục, dạy nghề cấp huyện tổ chức tư vấn nghề nghiệp chuyên sâu cho học sinh cuối cấp. Nhiều đơn vị còn kết hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp cho các đối tượng học sinh lớp 9 và lớp 12.

Đã tiến hành tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên THCS về công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông năm 2021.



## **2. Một số kết quả**

Tất cả các trường THCS, TH&THCS đều thực hiện đầy đủ chương trình hướng nghiệp và tổ chức tư vấn chuyên sâu cho học sinh lớp 9.

100% giáo viên chủ nhiệm lớp 9 năm học 2021-2022 được tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2020, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học ở các trường đào tạo nghề là 5,41%.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

### **- Đối với việc phòng, chống dịch COVID-19 và tổ chức dạy học**

Vẫn còn một số học sinh phổ thông đang bị mắc kẹt ở các khu cách ly, vùng giãn cách xã hội. Nếu chuyển sang phương án dạy học trực tiếp thì những học sinh này gặp khó khăn trong việc tham gia học tập.

Tình hình dịch bệnh tiềm ẩn nhiều phức tạp, một số trường không có nhân viên y tế nên việc tổ chức phòng, chống dịch bệnh khi học sinh đi học trở lại đang gặp khó khăn nhất định. Việc tiêm phòng dịch COVID-19 cho giáo viên đa số chỉ mới được một mũi.

Ở những đơn vị thuộc địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, tỷ lệ học sinh tiểu học, học sinh THCS có thiết bị phục vụ học tập trực tuyến còn thấp.

Nhiều trường hiện nay chỉ đủ phòng học để tổ chức dạy học 2 ca, nếu tình hình dịch bệnh phức tạp, phải chuyển sang phương án giảm số học sinh/lớp thì sẽ không đủ phòng học để tổ chức dạy học.

### **- Đối với việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS**

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tham gia học tại các cơ sở đào tạo nghề còn thấp. Nguyên nhân chính là do nhận thức về việc học nghề để tham gia lao động của một bộ phận nhân dân còn hạn chế. Học sinh tốt nghiệp THCS có xu hướng tiếp tục học lên THPT, ít chọn học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tình trạng học sinh tốt nghiệp các trường nghề nhưng không tìm được việc làm vẫn diễn ra nên đã tác động đến tâm lý của người học.

Các trường phổ thông thiếu cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng tốt nhu cầu của học viên về nghề nghiệp đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

Nhiệm vụ thời gian tới:

### **- Đối với việc phòng, chống dịch COVID-19 và tổ chức dạy học**

UBND tỉnh chỉ đạo Sở giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Y tế tiếp tục tiêm vắc xin mũi 2 cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được kịp thời và sớm triển khai tiêm mũi 1 cho học sinh, đặc biệt là học sinh khối 12.



Tiếp tục thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” để hỗ trợ phương tiện, thiết bị học tập cho học sinh.

### **- Đối với việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS**

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục phổ thông, cha mẹ học sinh, học sinh về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đổi mới nội dung, hình thức phương pháp giáo dục hướng nghiệp; thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề hiệu quả và đúng quy định; phối hợp với trung tâm giáo dục-dạy nghề cấp huyện tổ chức tư vấn nghề nghiệp chuyên sâu cho học sinh cuối cấp.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh THCS kết hợp với khảo sát thực trạng để có số liệu về học sinh dự định đăng ký học nghề, từ đó đề xuất giao chỉ tiêu phân luồng sát tình hình.

Hàng năm, khi xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh vào THPT, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để cùng thống nhất tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên THPT, học nghề đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông cho đội ngũ giáo viên. Từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường trung học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông.

## **D. VỀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG.**

### **1. Về đầu tư cơ sở vật chất tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.**

UBND tỉnh đã chỉ đạo:

- Sở Y tế rà soát tổng thể cơ sở vật chất của các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Từ đó, có kế hoạch sử dụng các nguồn lực thuộc ngành quản lý để đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho các trạm y tế, trước mắt ưu tiên đầu tư các trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; trên cơ sở kết quả rà soát tổng thể của Sở Y tế, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, phân bổ nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hàng năm và nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách tỉnh quản lý để đầu tư cơ sở vật chất cho các trạm y tế cấp xã. Về lâu dài, có kế hoạch đầu tư để các trạm y tế xã, phường, thị trấn đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.



- Sở Kế hoạch và Đầu tư Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản gửi Sở Y tế rà soát tổng thể thực trạng cơ sở vật chất ngành y tế (trong đó có các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh), trên cơ sở đó đề xuất nhu cầu đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực y tế. Ngày 14/11/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức buổi làm việc với Sở Y tế để làm rõ về các nội dung trên. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Sở Y tế khẩn trương tiến hành rà soát, tổng hợp nhu cầu cơ sở vật chất lĩnh vực y tế để báo cáo UBND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo để cân đối, bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025.

## **2. Về giải ngân vốn đầu tư công**

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Giao Kế hoạch đầu tư công năm 2021 chi tiết cho các dự án khởi công mới đủ điều kiện ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn;

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên. Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thi công; thực hiện nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng ...

- Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2021, UBND tỉnh ban hành nhiều Văn bản chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và các nguồn vốn được kéo dài sang năm 2021<sup>3</sup> để đốc thúc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn năm 2021

- Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước cho tỉnh tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021; UBND tỉnh ban hành các Quyết định số: 3069/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án; Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn NSTW năm 2021 (đợt 2); Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn NSTW năm 2021 (đợt 3) để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện Công điện số 7776/QĐ-TTg ngày 25/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, Công văn số 237-CV/TU ngày 19/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian còn lại của năm 2021, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2468/UBND-TH ngày 05/11/2021 về tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.



- Đề phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư công năm 2021, trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành, đơn vị, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn NSTW hỗ trợ năm 2021 tại Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, trong đó đã điều chỉnh giảm các dự án chậm giải ngân hoặc không có khả năng giải ngân sang các dự án có nhu cầu vốn, có tỷ lệ giải ngân tốt. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh vốn (nếu cần thiết) để nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

## **E. NHÓM VẤN ĐỀ VỀ NỘI VỤ.**

### **1. Về chỉ số cải cách hành chính và chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước**

Công tác cải cách hành chính được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện trên các nội dung. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 22/01/2021 thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Báo cáo kết quả Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Quảng Bình năm 2020; thẩm định kết quả chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện trên địa bàn tỉnh và đã công bố Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện trên địa bàn tỉnh; ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch Kiểm tra CCHC tỉnh năm 2021. Xây dựng 12 chuyên mục và 12 tin, bài tuyên truyền cải cách hành chính trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh và Báo Quảng Bình. Nhằm nâng cao nhận thức về công tác CCHC cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quần chúng nhân dân, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu công tác cải cách hành chính” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2021. Cuộc thi đã thu hút 54 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và 8 đơn vị cấp huyện tham gia, tổng số tài khoản dự thi/số tài khoản đăng ký là 17.646/24.439. Có 86.831 bài dự thi, trong đó nhiều bài dự thi đạt điểm tối đa. Đã tổ chức Hội nghị đánh giá và bàn các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC; chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh năm 2020; Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Quảng Bình năm 2021 và các năm tiếp theo; kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh. Báo cáo phục vụ đoàn kiểm tra cải cách hành chính năm 2021 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ. Phối hợp với UBMTTQ Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh thực hiện đo lường chỉ số hài lòng của người dân trong tổ chức tuyên truyền và vận động người dân tham gia giám sát, phản hồi ý kiến về chất lượng dịch vụ công. Công tác kiểm tra CCHC được quan tâm và chỉ đạo thực hiện thường xuyên theo kế hoạch. Đến nay Sở Nội vụ đã tiến hành kiểm tra và có thông báo kết luận kết quả kiểm tra cải cách hành chính đối với 10/10 cơ quan, đơn vị, địa phương. ✓



## **2. Về việc tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo quy định hiện hành.**

a) Đối với tổ chức hành chính: Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương. Ngày 31/3/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định sắp xếp, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định. Kết quả:

- Giảm: 05 chi cục và 01 tổ chức hành chính tương đương Chi cục, bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 01 Chi cục (Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản); Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 3 Chi cục (Chi cục Bảo vệ Môi trường, Chi cục Quản lý đất đai, Chi cục Biển và hải đảo); Sở Khoa học và Công nghệ giảm 01 Chi cục (Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng); Sở Nội vụ giảm 01 tổ chức hành chính tương đương Chi cục (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

- Giảm 24 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc sở, 26 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Chi cục và tương đương; giảm 01 cơ quan chuyên môn cấp huyện.

Hiện nay các cơ quan đang sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW); Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 08/NQ-CP); Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 30/3/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Công văn số 408-CV/TU ngày 28/12/2017 về việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, Đề án số 981/ĐA-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Quảng Bình. Kết quả: Đã giảm là 47 đơn vị, tỷ lệ giảm đạt 6,3% so với thời điểm năm 2015.

- Thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo và tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thông qua phương án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh. Ngày 06/8/2021, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã có Công văn số 244-CV/BCSD ngày 08/10/2021 báo cáo xin chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy về



việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức bên trong theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Sau khi có ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện theo quy định.

### **3. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh**

Đã đổi mới phương thức công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc tuyển dụng công chức, viên chức đã được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, tuyển đủ số lượng công chức, viên chức và chất lượng ngày càng được nâng lên. Trong tuyển dụng công chức đã thực hiện cải cách đơn giản hóa thành phần, thủ tục hồ sơ, cải tiến việc ra đề thi, tạo sự công bằng, minh bạch trong tuyển dụng và tuyển chọn được người có năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức trên toàn tỉnh. Công tác tiếp nhận vào làm công chức, viên chức được thực hiện đúng quy trình, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định. Cán bộ, công chức, viên chức ngoại tỉnh được tiếp nhận về công tác tại tỉnh đều đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn đối với chức danh tiếp nhận, bố trí.

Việc tuyển dụng công chức, viên chức đảm bảo cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm; có số lượng phù hợp, có trình độ, năng lực đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; tạo động lực để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức không ngừng trau dồi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm cao với công việc được giao. Đồng thời, tinh giản biên chế góp phần định hướng nghề nghiệp cho các đối tượng lao động.

Thực hiện theo thẩm quyền về bổ nhiệm các chức danh, chức vụ công chức, viên chức theo hướng chú trọng phẩm chất, trình độ, năng lực: Căn cứ quy định số 01-QĐi/TU ngày 01/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã ban hành Quy định số 179-QĐi/BCSĐ ngày 29/10/2018 về phân cấp quản lý và bổ nhiệm cán bộ thay thế Quyết định số 13-QĐ/BCSĐ-UBND ngày 28/3/2008; đồng thời chỉ đạo UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị rà soát, ban hành quy chế quản lý cán bộ, bổ nhiệm theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

UBND tỉnh tham mưu Ban cán sự Đảng UBND tỉnh triển khai thực hiện các quy định về công tác quy hoạch, điều động và bổ nhiệm, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục theo quy định; việc tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cấp đã thực hiện quy trình, thủ tục và thẩm quyền theo quy định. Những cán bộ được bầu cử, bổ nhiệm đều đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn; có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị phù hợp với vị trí công tác; đã phát huy được hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan, đơn vị và gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ được giao.



100% công chức, viên chức công khai, kê khai tài sản; chuyển đổi, thay đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 130/2020/NĐCP, ngày 20/10/2020 của Chính phủ; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ đảm bảo thời gian, danh mục, đối tượng theo quy định.

Trong năm 2021, căn cứ các quy định của pháp luật, UBND tỉnh điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cử kiêm nhiệm đối với 80 trường hợp cán bộ giữ các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý; tham mưu ban hành Quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026; quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý, giai đoạn 2020 - 2025. Cho chủ trương về điều động, bổ nhiệm, sắp xếp, bố trí cán bộ thuộc diện Ban cán sự đảng UBND tỉnh quản lý sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy trình kiểm điểm, rút kinh nghiệm và thi hành kỷ luật đối với công chức, viên chức theo phân cấp thẩm quyền quản lý của tỉnh. Triển khai đánh giá, xếp loại cán bộ thuộc diện BCS Đảng UBND tỉnh quản lý năm 2020; đánh giá, xếp loại viên chức quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, năm học 2020-2021.

#### **4. Việc chuyển đổi, thay đổi vị trí công tác**

Thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng; UBND tỉnh đã có Công văn số 700/UBND-NC ngày 16/5/2016; Công văn số 1545/UBND ngày 31/8/2020 về việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐCP ngày 01/7/2019 của Chính phủ; Tính đến ngày 15/11/2021, đã có 32/36 cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2021 đối với 427 trường hợp (04 cơ quan không xây dựng kế hoạch do không có đối tượng chuyển đổi trong năm) và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 402 trường hợp (một số đơn vị xây dựng kế hoạch hoàn thành việc chuyển đổi vào tháng 12); thay đổi vị trí công tác theo Công văn số 700/UBND-NC ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh 40 trường hợp.

#### **5. Về việc sắp xếp, bố trí viên chức làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước**

Đến nay toàn tỉnh còn 122 viên chức đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện cần tiếp tục sắp xếp, bố trí. Căn cứ Kết luận của Chủ tọa kỳ họp tại phiên chất vấn, kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII và phương án, đề xuất của các cơ quan, địa phương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ dự kiến phương án sắp xếp, bố trí viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính kể từ ngày 01/01/2022 như sau:

- Điều chuyển 09 viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính sang các đơn vị sự nghiệp công lập còn biên chế chưa tuyển dụng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm.



- Chuyển 103 biên chế sự nghiệp và điều động viên chức đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính sang các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời rà soát, xây dựng kế hoạch và lộ trình giảm dần số biên chế này (khi có người nghỉ hưu, thôi việc; chuyển công tác hoặc chuyển sang biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị; sắp xếp bố trí sang các đơn vị sự nghiệp trực thuộc còn biên chế viên chức; cá nhân tự liên hệ công tác) cho đến khi hết số biên chế này.

- Điều chuyển 10 viên chức (06 viên chức trong các cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và 04 viên chức làm công tác kế toán tại ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để bố trí tại các đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu tuyển dụng trên toàn tỉnh có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm; trường hợp viên chức không đồng ý với việc bố trí của cơ quan có thẩm quyền thì tự liên hệ công tác hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định.

## **6. Về sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã đôi dư**

Để đảm bảo lộ trình sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã theo quy định và tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng đôi dư theo chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy và kết luận của Chủ tọa kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa XVIII, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2473/UBND-NCVX ngày 05/11/2021 về việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức cấp xã đôi dư. Hiện nay đang tổ chức triển khai thực hiện.

## **G - NHÓM VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG.**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng thực hiện các nội dung tại Thông báo kết luận của Chủ tọa kỳ họp tại phiên họp chất vấn, kỳ họp thứ 2, HĐND tỉnh khóa XVIII, cụ thể:

- Trong quá trình phát triển đô thị, cần tuân thủ theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Triển khai các nội dung liên quan phương án trị thủy và giải quyết tốt vấn đề thoát nước cho đô thị theo Quy hoạch đã được duyệt, như: Tổ chức nạo vét, mở rộng các sông (kênh) thoát nước: sông Phú Vinh, kênh Cầu Tây, sông Cầu Rào (đoạn từ phía Bắc cầu Cống Mười đến sông Lệ Kỳ); xây dựng các hồ điều hòa để điều tiết nước và hoàn chỉnh mạng lưới thoát nước đồng bộ theo quy hoạch;...

- Trong quá trình đầu tư thực hiện các dự án cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các giải pháp xử lý thoát nước đối với từng dự án. Cần có giải pháp xử lý thoát nước cho từng dự án cụ thể, đặc biệt là phân tiếp giáp giữa các khu dân cư hiện hữu và khu đô thị mới, khai thông và bố trí các tuyến công thoát nước địa hình để đảm bảo chống ngập lụt cục bộ. Đối với khu vực dân cư cũ thấp trũng tập trung xây dựng, cải tạo mạng lưới thoát nước, tăng khẩu độ cầu cống, nâng dần cao độ nền theo lộ trình, đảm bảo về lâu dài cao độ nền theo đúng quy hoạch được phê duyệt.



Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện kết luận của Chủ tọa Kỳ họp thứ 2, HĐND tỉnh khóa XVIII, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành có liên quan;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đoàn Ngọc Lâm**